



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong

Ngày 31/12/2025	65,900 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	4.6%	7.0%	-0.1%

DT thuần Q4/25
1,881
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 271 16.9%
YoY: ▲ 55.0 3.0%

LN thuần Q4/25
257
tỷ VNĐ
QoQ: ▼55.0 -17.7%
YoY: ▼5.00 -2.0%

LN sau thuế Q4/25
203
tỷ VNĐ
QoQ: ▼55.0 -21.4%
YoY: ▼14.0 -6.5%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
18.3%
YoY: +/-▲ 1.7%

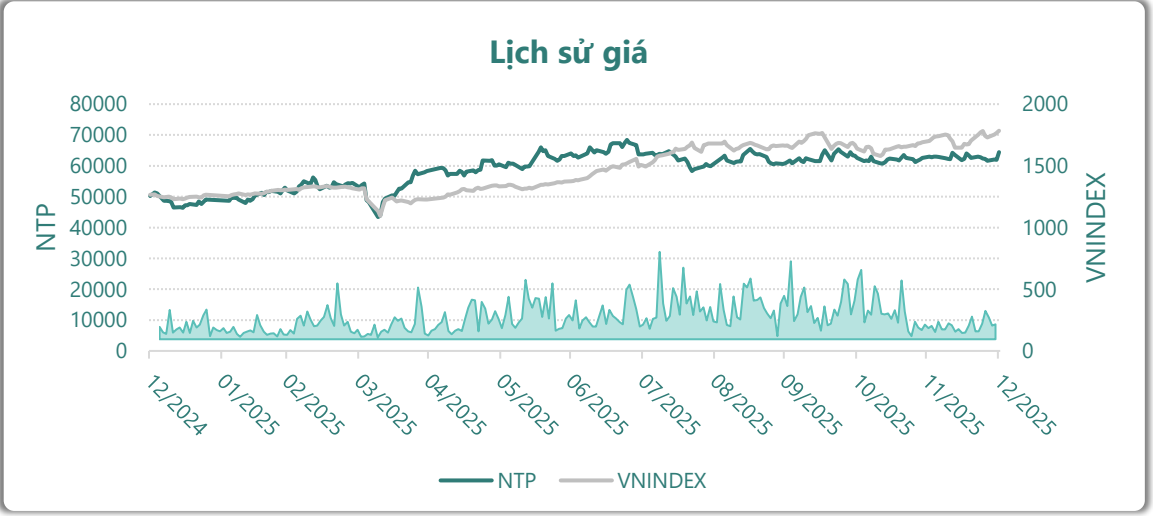
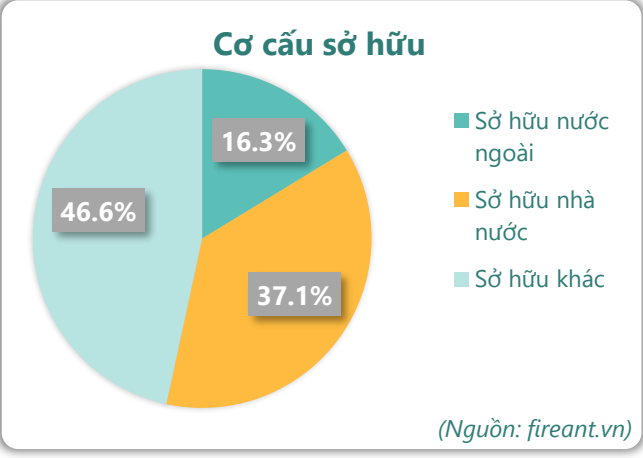
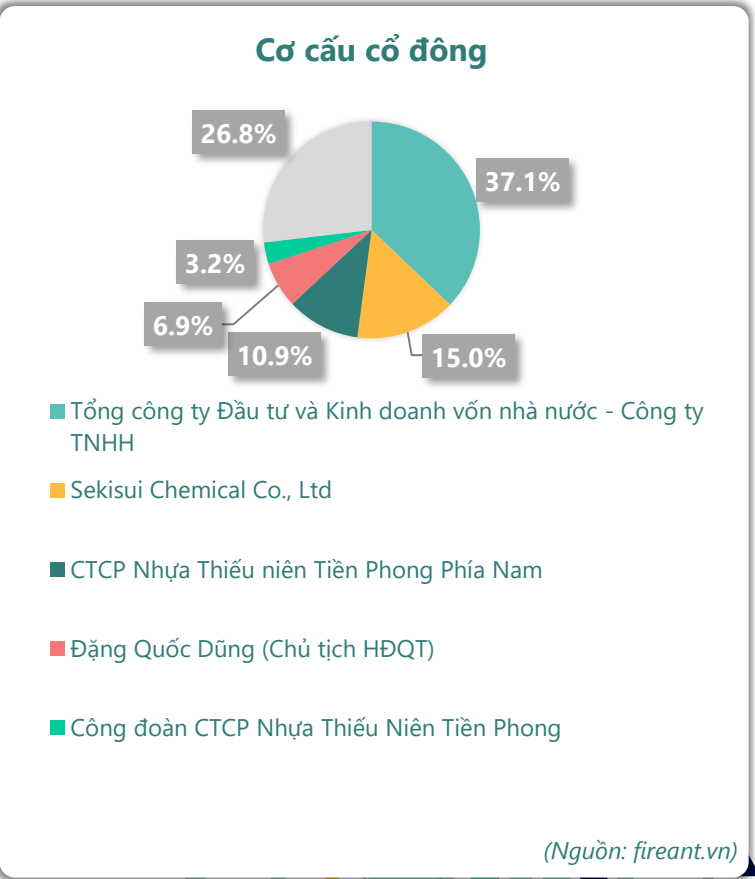
ROE 2025
25.1%
YoY: +/-▲ 3.4%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	43,406 - 68,404
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	11,271
Số lượng CPLH (CP)	171,038,220
KLGD BQ 20 phiên (CP)	213,560
Sở hữu nước ngoài	16.3%
Beta	0.48
EPS	5,805
P/E	11.4

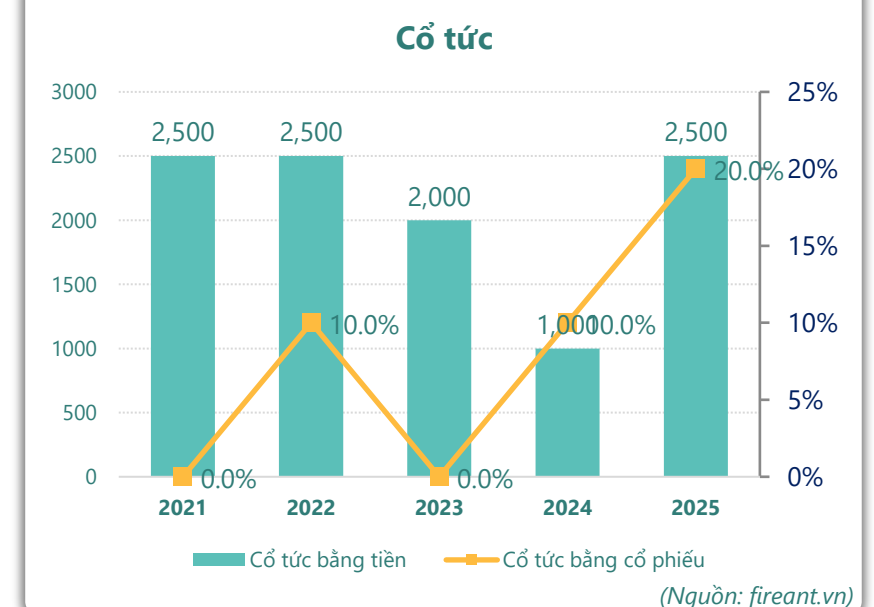
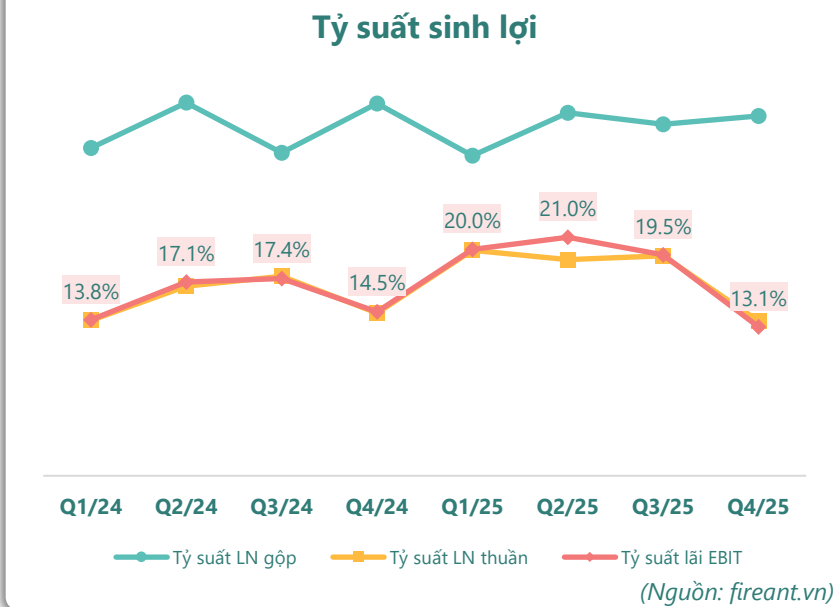
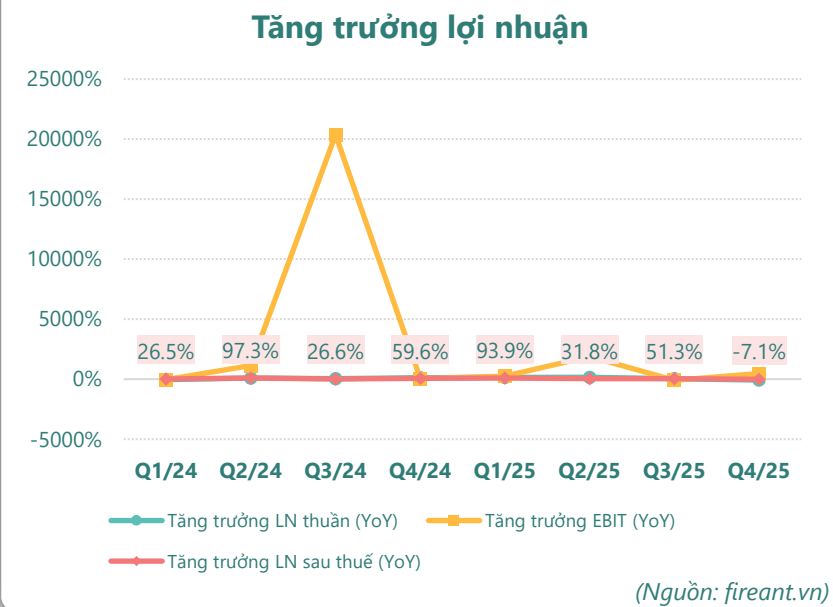
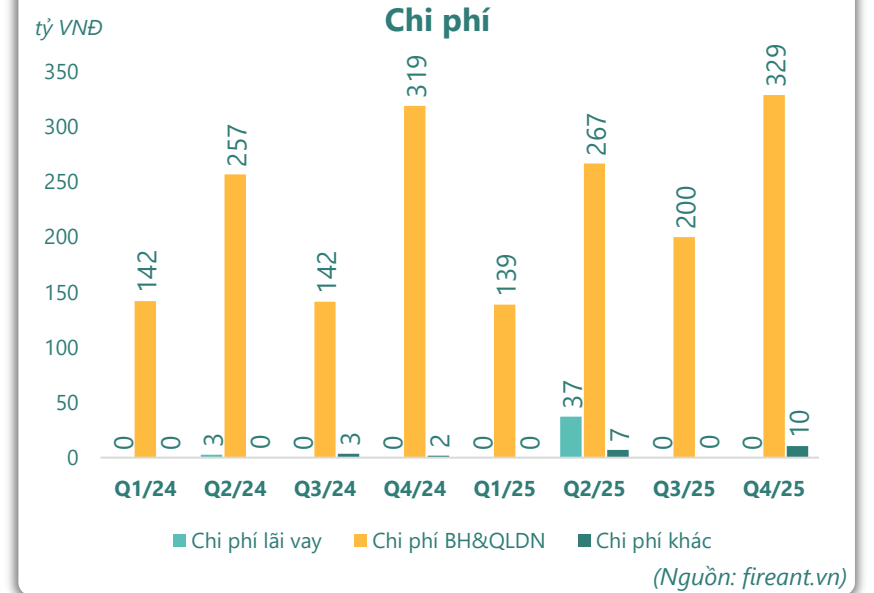
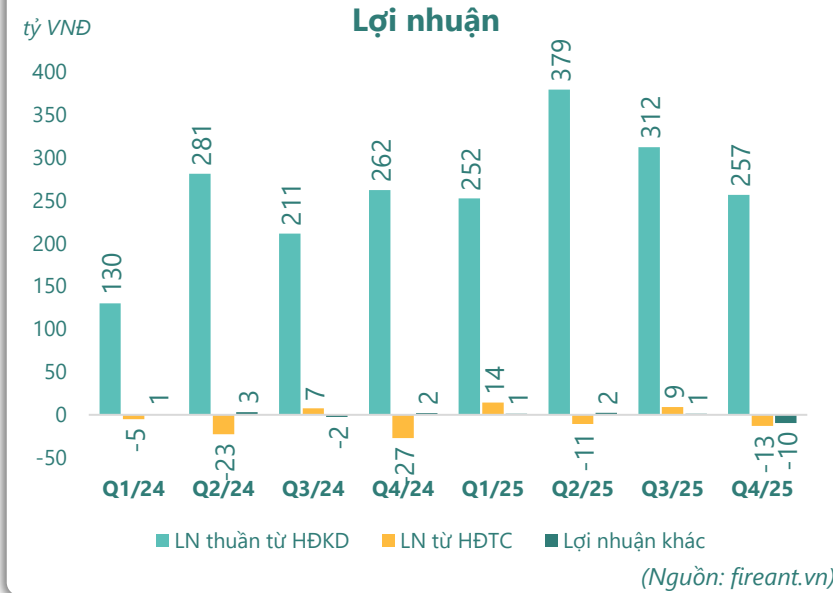
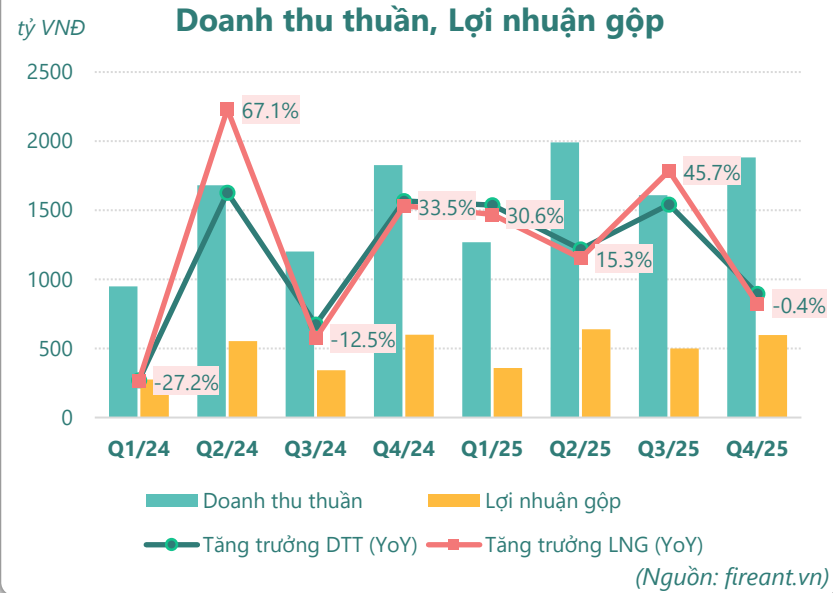
DT thuần 2025
6,751
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1,094 19.3%

LN thuần 2025
1,201
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 316 35.7%

LN sau thuế 2025
993
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 257 35.0%



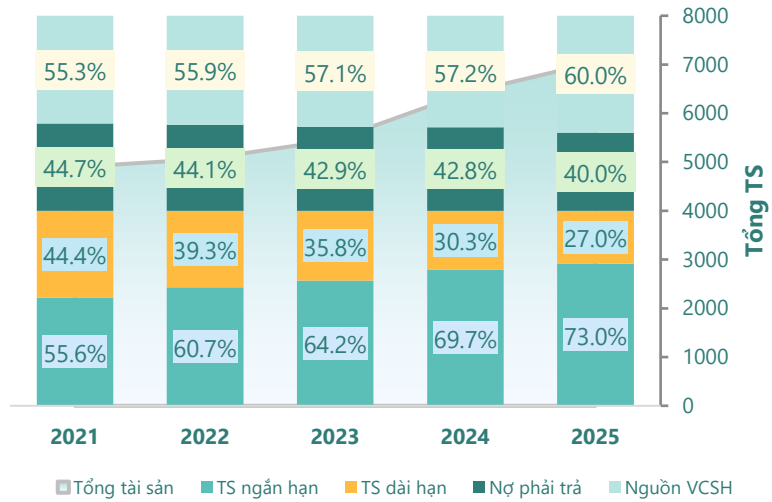
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

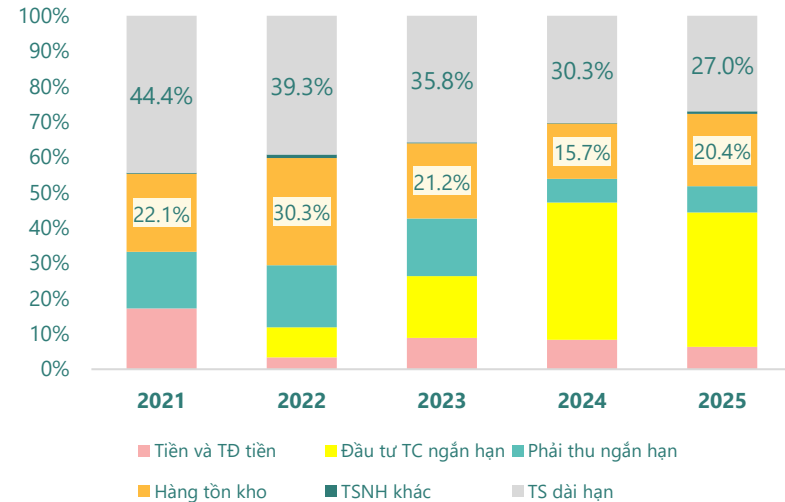
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

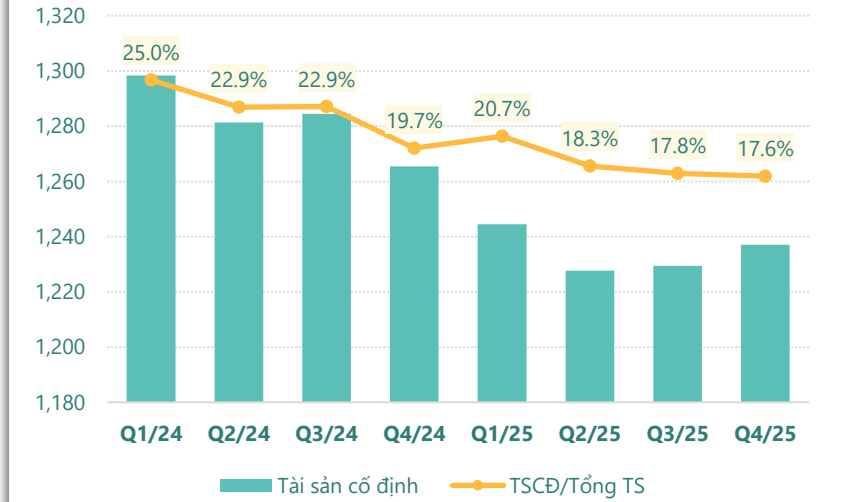
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

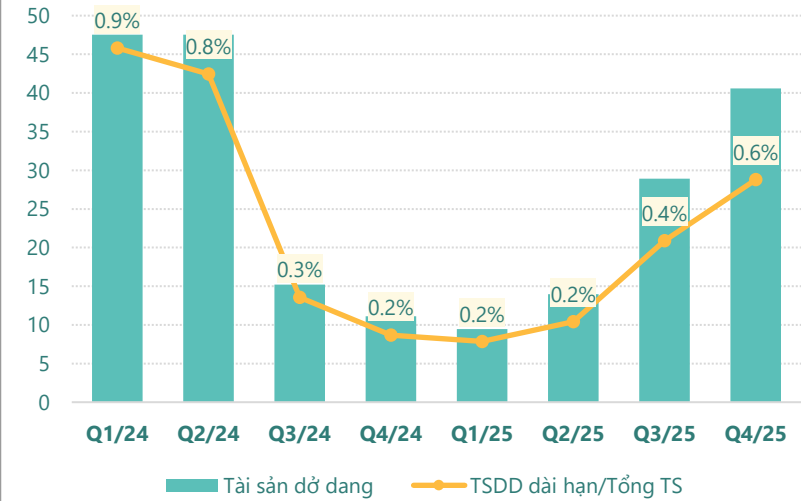
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

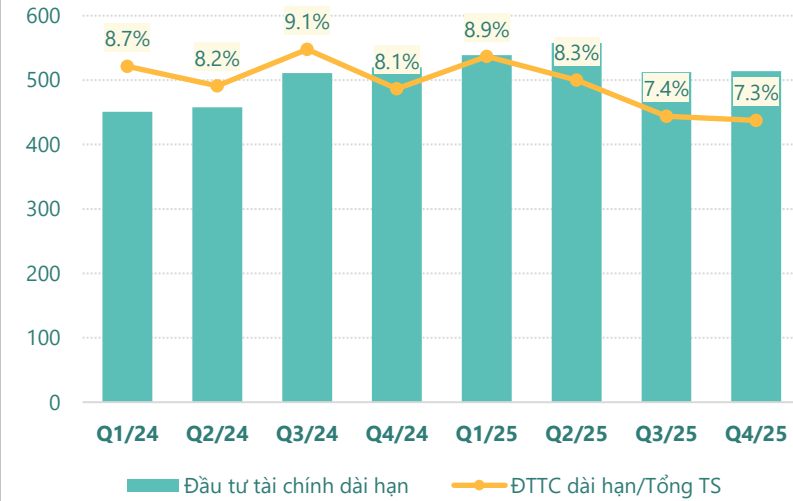
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

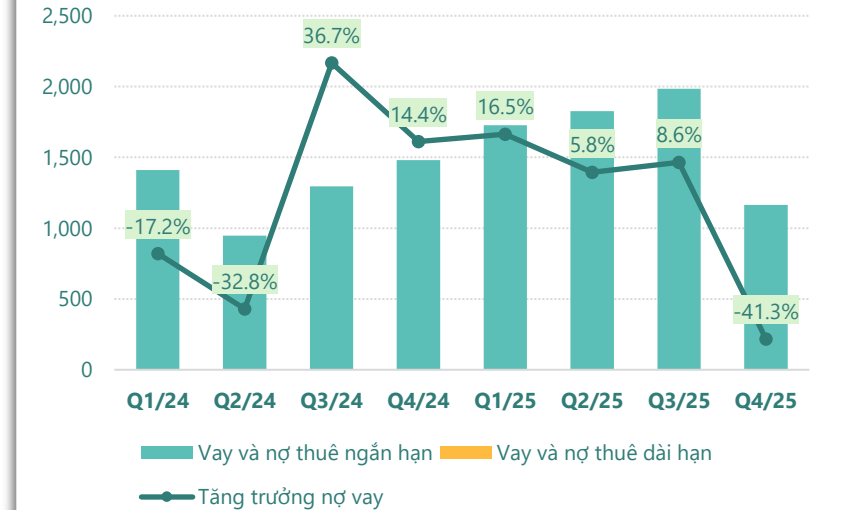
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

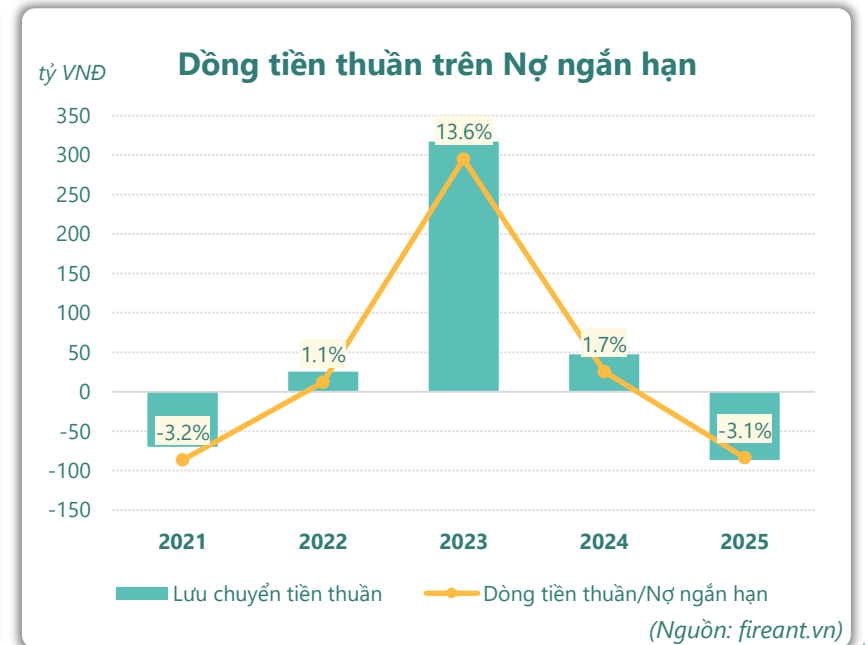
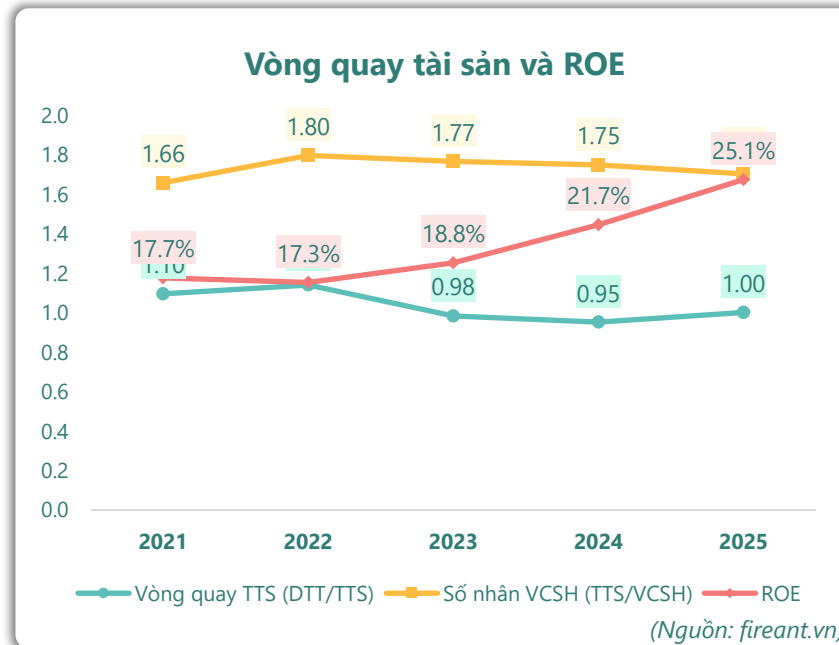
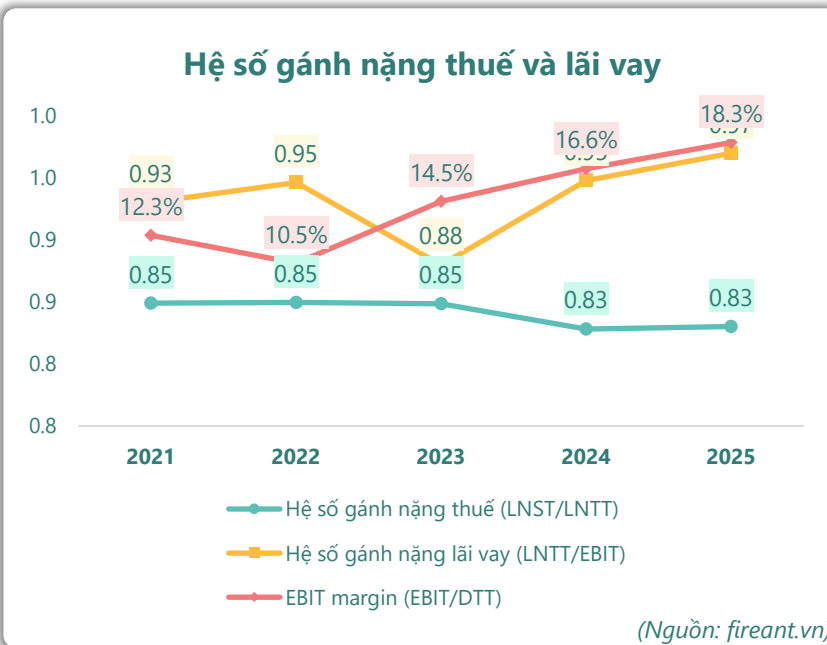
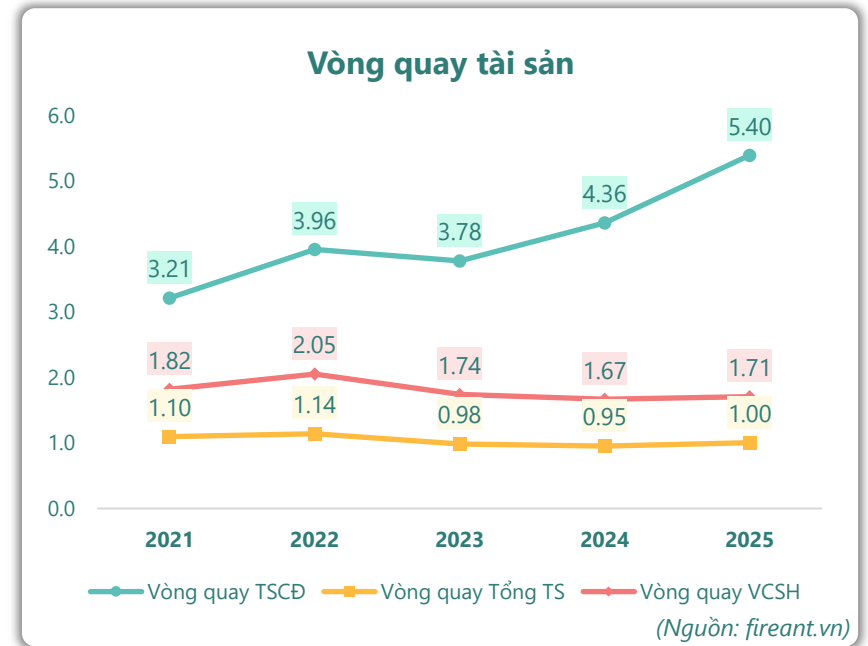
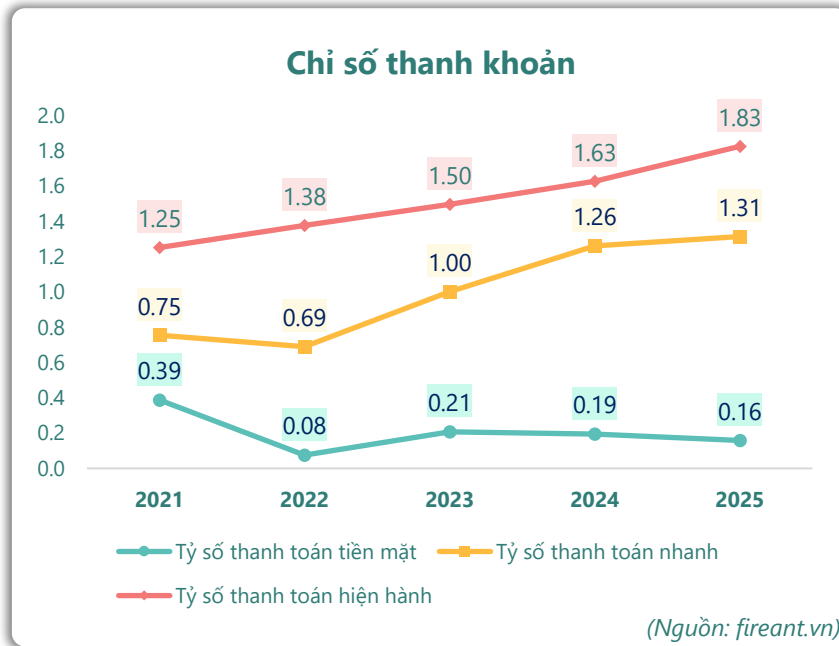
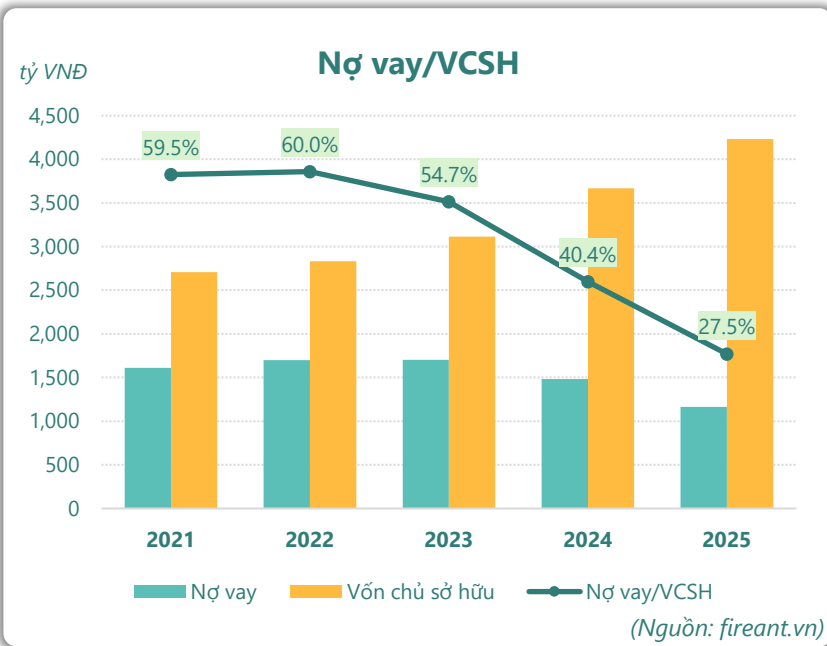
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	1,881	1,826	3.0%	6,751	5,657	19.3%
Giá vốn hàng bán	1,284	1,226	4.7%	4,658	3,887	19.9%
Lợi nhuận gộp	597	600	-0.4%	2,093	1,770	18.2%
Doanh thu HĐTC	43.2	30.9	39.9%	168	91.6	83.0%
Chi phí TC	56.4	58.2	-3.2%	168	139	20.8%
Chi phí lãi vay	0	0.00		37.3	48.9	-23.7%
LN trong công ty LKLD	1.60	9.14	-82.5%	44.2	22.8	94.1%
Chi phí bán hàng	231	242	-4.5%	640	633	1.2%
Chi phí QLDN	98.1	77.2	27.1%	295	227	29.8%
LN thuần từ HĐKD	257	262	-2.0%	1,201	885	35.7%
Lợi nhuận khác	-9.51	1.96	-585%	-4.80	3.39	-241%
LN trước thuế	247	264	-6.3%	1,196	888	34.6%
Lợi nhuận sau thuế	203	217	-6.5%	993	736	35.0%
LNST của CĐ cty mẹ	203	217	-6.5%	993	736	35.0%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-504	992	-673	672	-211	1,127
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	108	-873	288	-497	-39.3	-78.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	347	187	31.1	-42.0	157	-819
Tiền đầu kỳ	276	227	533	178	311	217
Lưu chuyển tiền thuần	-49.2	306	-355	133	-93.9	229
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0	0.07	-0.07	0
Tiền cuối kỳ	227	533	178	311	217	446

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	7,048	6,415	9.9%
Tài sản ngắn hạn	5,143	4,473	15.0%
Tiền và tương đương tiền	446	533	-16.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2,679	2,492	7.5%
Phải thu ngắn hạn	525	428	22.6%
Hàng tồn kho	1,441	1,005	43.4%
Tài sản ngắn hạn khác	51.0	14.6	248%
Tài sản dài hạn	1,905	1,942	-1.9%
Phải thu dài hạn	8.27	0	
Tài sản cố định	1,237	1,265	-2.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	40.6	11.1	265%
Đầu tư tài chính dài hạn	514	520	-1.2%
Tài sản dài hạn khác	105	145	-27.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,816	2,748	2.5%
Nợ ngắn hạn	2,816	2,748	2.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,165	1,482	-21.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	276	314	-12.0%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	4,232	3,666	15.4%
Vốn chủ sở hữu	4,232	3,666	15.4%
Vốn điều lệ	1,710	1,425	20.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

